TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2025
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Kim Tuyến.

2. Bà Nguyễn Thị Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 491/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Kim H**, sinh năm 1988 (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: 30 ấp 2 (số mới 1243/2/22A đường LVL, ấp 31), xã PK, huyện N, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Kim H trình bày*:**

Bà Đỗ Kim H và ông Lê Văn Th kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PK, huyện N, Thành phố H ngày 14/4/2008. Sau thời gian vợ chồng chung sống với nhau, bà Đỗ Kim H nhận thấy giữa hai người có nhiều điểm khác biệt, bất đồng trong cuộc sống, ông Lê Văn Th không biết chăm lo làm ăn mà suốt ngày tụ tập nhậu nhẹt say sỉn ngày này qua ngày nọ, kinh tế gia đình do bà Đỗ Kim H một mình bươn chải, vừa

lo cho gia đình, vừa chăm sóc con cái. Bà Đỗ Kim H đã cố gắng chịu đựng, cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả (trước đây bà đã từng nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn với hy vọng ông Th thay đổi nhưng ông vẫn không thay đổi). Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, bà Đỗ Kim H xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông Lê Văn Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013. Bà Đỗ Kim H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Lê Văn Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai trong các biên bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Lê Văn Th trình bày:

Ông Lê Văn Th xác nhận và đồng ý với những lời trình bày của bà Đỗ Kim H như ở trên về tình trạng pháp lý đối với quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung là hoàn toàn đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng cũng có ít mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nhưng vợ chồng cũng đã cố gắng hòa giải để giải quyết mâu thuẫn. Ông Lê Văn Th có đi nhậu và về nhà có những lời lẽ, hành động không hay đối với vợ con. Ông biết là ông có lỗi với vợ con, ông đã xin lỗi và mong bà Đỗ Kim H tha lỗi, ông hứa sẽ không nhậu nhẹt say sỉn nữa, không có những lời lẽ không hay đối với vợ con nữa, sẽ cố gắng tìm việc làm để có thu thập chăm lo cho gia đình. Ông Th vẫn còn rất thương vợ, thương con nên mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn bà Đỗ Kim H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013. Hai con hiện đang sống cùng với cha tại nhà 30 ấp 2 xã PK, bà H đã dọn ra ở riêng từ tháng 10 năm 2024. Ông không có ý kiến gì về việc hai con muốn sống với mẹ.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa:

Bà Đỗ Kim H trình bày: Về hôn nhân: yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Lê Văn Th; Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013. Sau khi ly hôn, bà Đỗ Kim H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu

cầu ông Lê Văn Th cấp dưỡng; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn Th trình bày: Về hôn nhân: ông Lê Văn Th không đồng ý ly hôn; Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013 hiện đang sống với ông và ông bà nội, nếu ly hôn ông không có ý kiến gì về việc hai con muốn sống với mẹ; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho các đương sự và Viện kiểm sát nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc, không hòa giải được đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Về con chung: Có 02 trẻ tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013 giao cho bà bà Đỗ Kim H trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PK, huyện N, Thành phố H ngày 14/4/2008 thì ông Lê Văn Th và bà Đỗ Kim H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Đỗ Kim H yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Th. Do ông Lê Văn Th có nơi cư trú tại huyện N, Thành phố H nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về yêu cầu của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Theo lời trình bày của nguyên đơn, bà Đỗ Kim H và ông Lê Văn Th tự nguyện tiến đến cuộc sống hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy

chứng nhận kết hôn số 47, Quyển số 01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PK, huyện N, Thành phố H ngày 14/4/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quá trình chung sống cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông Lê Văn Th không biết chăm lo làm ăn mà suốt ngày tụ tập nhậu nhẹt ngày này qua ngày nọ, kinh tế gia đình do bà Đỗ Kim H một mình bươn chải, vừa lo cho gia đình, vừa chăm sóc con cái. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn lại được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Lê Văn Th.

[4] Theo ông Lê Văn Th trình bày : đồng ý với lời trình bày của bà Đỗ Kim H về quá trình sống chung, đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Ông Lê Văn Th có đi nhậu và về nhà có những lời lẽ, hành động không hay đối với vợ con là do ông yêu quá yêu thương bà H và bà Hông hay đi làm về trễ, ông ghen nên dẫn đến hành động như vậy. Ông biết là ông có lỗi với vợ con, ông đã xin lỗi và mong bà Đỗ Kim H tha lỗi, ông hứa sẽ không nhậu nhẹt say sỉn nữa, không có những lời lẽ không hay đối với vợ con nữa, sẽ cố gắng tìm việc làm để có thu thập chăm lo cho gia đình. Ông Th vẫn còn rất thương vợ, thương con nên mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn bà Đỗ Kim H.

Thực tế sau nhiều buổi hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện N cho đến nay, ông Lê Văn Th cũng chưa đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông Th; Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

[6] Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, khả năng đoàn tụ không có, cả hai đã sống ly thân 11 năm nay, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc, nên việc giải quyết cho ly hôn là cần thiết. Căn cứ điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Đỗ Kim H.

[7] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Đỗ Kim H và ông Lê Văn Th có 02 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013: bà Đỗ Kim H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Lê Văn Th cấp dưỡng; 02 trẻ tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013 có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và ông Lê Văn Th đồng ý với nguyện vọng của 02 con chung. Do đó, giao 02 trẻ Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013 cho bà Đỗ Kim H trực tiếp nuôi dưỡng; Bà Đỗ Kim H không yêu cầu ông Lê Văn Th cấp dưỡng phí tổn nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về tài sản chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Kim H phải nộp được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018134 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H. Bà Đỗ Kim H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 262, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 năm 2016 quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Kim H được ly hôn với ông Lê Văn Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PK, huyện N, Thành phố H ngày 14/4/2008, không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật).

2.Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Đỗ Kim H được ly hôn với ông Lê Văn Th có 02 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013; Sau khi ly hôn bà Đỗ Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung: Lê Kim Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Tấn B, sinh ngày 14/4/2013. Bà Đỗ Kim H không yêu cầu ông Lê Văn Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn Th được quyền và có nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về nợ chung: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

5.Về án phí: Bà Đỗ Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018134 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H. Bà Đỗ Kim H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai. Nguyên đơn bà Đỗ Kim H, bị đơn ông Lê Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện N, Tp.HCM;
- Chi cục THADS huyện N, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK Hiếu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Hữu Đức